

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày: 21-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trần Xuân Thanh

Bà Trần Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:

Ông Phan Sâm Rin - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Danh V, Giới tính: Nam; sinh năm 1978 tại B; địa chỉ đăng ký thường trú: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh B; địa chỉ tạm trú: Ấp 4, xã Đ, huyện B, Thành phố H; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Khơ-me; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh N, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Thị E, sinh năm 1957; Có vợ tên Nguyễn Thị S, sinh năm 1982; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-12-2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn Đ, Giới tính: Nam; sinh năm 1984 tại H; Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh H; Địa chỉ tạm trú: Tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 03-6-2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C ra quyết định đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc tại Cơ sở giáo dục Cồn Cát, An Thạnh 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng đối với Trần Văn Đ, chấp hành xong tháng 6 năm 2005.

- Ngày 08-02-2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H ra quyết định đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc tại Cơ sở giáo dục Cồn Cát, An Thạnh 1, Cù Lao Dung, Sóc Trăng đối với Trần Văn Đ, chấp hành xong tháng 5 năm 2011.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-12-2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng T.

Địa chỉ trụ sở: Ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị B

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức M và ông Trần Văn H;
Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; Địa chỉ thường trú: ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh S; (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Vũ Duy H, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 12-11-2017, sau khi uống rượu tại nơi Trần Văn Đ thuê trọ, Danh V rủ Đ đi trộm sắt tại các công trình xây dựng trong Khu Công nghiệp T, thuộc ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Đ đồng ý. V điều khiển xe mô tô biển số 83PT-220.26 chở Đ đến công trường xây dựng Công ty O. V để xe bên ngoài khu công nghiệp rồi cùng với Đ trèo tường rào vào trong khu vực xây dựng lấy trộm sắt đem ra bên ngoài. Sau đó, V điều khiển xe chở Đ cùng số sắt trộm được phía sau, đem đến để phía trước vừa thu mua phế liệu của anh Vũ Duy H, tại ấp T, xã T với ý định bán số sắt trên cho anh H vào sáng hôm sau. Bằng cách này, V và Đ vận chuyển số sắt trộm được đến lần thứ 4 thì bị lực lượng Công an xã T tuần tra, phát hiện mời về làm việc và tạm giữ 270 kg sắt, gồm 95 kg sắt loại sắt gân D10-SD295A, 143kg sắt loại sắt gân D12-CB300CV, 32 kg sắt loại sắt gân D14, tạm giữ 01 xe mô tô hiệu SYM Elegant màu xanh - trắng, biển số 83PT-220.26. Tại cơ quan Công an, V và Đ thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 118/KLĐG ngày 13-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định:

- 95 kg sắt, loại sắt gân D10-SD295A, trị giá 1.244.500 đồng.

- 143 kg sắt, loại sắt gân D12-CB300CV, trị giá 1.887.600 đồng.

- 32 kg sắt, loại sắt gân D14, trị giá 422.400 đồng.

Tổng giá trị tài sản nêu trên là 3.554.500 đồng.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu SYM Elegant màu xanh-trắng, biển số 83PT-220.26 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị S, chị S không biết việc Danh V lấy xe đi trộm cắp tài sản, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc ra Quyết định xử lý vật chứng, đã trả lại tài sản cho chị S;

- 270 kg sắt gồm 95 kg sắt loại sắt gân D10-SD295A, 143kg sắt loại sắt gân D12-CB300CV, 32 kg sắt loại sắt gân D14 là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Khu Dân cư Tân Kim, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã trao trả cho bị hại.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKSCG ngày 29-01-2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố các bị cáo Danh V, Trần Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mô tả. Các bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thống nhất cùng nhau trộm sắt ở Công trường xây dựng Công ty O để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Sau khi chuyển được số sắt trộm được ra ngoài tường rào, các bị cáo vận chuyển đến Vừa thu mua phế liệu ở ấp Tân Xuân, định khi nào trời sáng Đ sẽ ra Vừa cân số sắt trên và bán lấy tiền. Các bị cáo xác định không có quen biết với anh Vũ Duy H – chủ Vừa, cũng không có bàn bạc hay thông báo trước cho anh H về việc sẽ bán số sắt này cho anh H; các bị cáo chọn Vừa của anh H vì gần nhà trọ của Đ. Bị cáo Danh V không nói lời sau cùng. Bị cáo Trần Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo đi làm nuôi các con còn nhỏ; bị cáo đang bị gãy tay, không đi làm được nên đã trả nhà trọ ở xã T, hiện bị cáo đang cư trú tại ấp 7, xã V, huyện L, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Danh V, Trần Văn Đ theo Cáo trạng số 10/CT-VKSCG ngày 29-01-2018, khẳng định cáo trạng là có căn cứ, truy tố đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Danh V, Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; căn cứ Khoản 1 Điều 138; các điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Danh V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; căn cứ Khoản 1 Điều 138; các điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Trần Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng nên có đủ cơ sở xác định vào khoảng 21 giờ ngày 12-11-2017, Danh V và Trần Văn Đ đến Công trường xây dựng Công ty O thuộc khu Công nghiệp T ở ấp T, xã T, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An lấy trộm 270 kg sắt đã được chế tạo thành phẩm gồm 95 kg sắt loại sắt gân D10-SD295A, 143kg sắt loại sắt gân D12-CB300CV, 32 kg sắt loại sắt gân D14 là tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển hạ tầng T, tổng trị giá tài sản là 3.554.500 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi trộm cắp tài sản, Danh V và Trần Văn Đ đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền tiêu xài các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Danh V là người rủ Trần Văn Đ đi trộm, Đ đồng ý, cả hai thống nhất, cùng tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Danh V và Trần Văn Đ được xác định là đồng phạm trong vụ án này, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, nên xác định là hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo thể hiện vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Danh V và Trần Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, theo nhận định nêu trên hành vi phạm tội của các bị cáo Danh V, Trần Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, với mức hình phạt tù cao nhất là 03 năm; bị cáo Danh V có

nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa từng bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật; bị cáo Trần Văn Đ tuy đã từng bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hai lần nhưng thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 02 năm; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp, là lao động chính trong gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tạo điều kiện để các bị cáo vừa tự cải tạo vừa đi làm phụ giúp gia đình. Qua đó, thấy rằng Danh V và Trần Văn Đ đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013.

[6] Về vật chứng, và trách nhiệm dân sự: Các vật chứng được thu giữ trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định pháp luật. Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Danh V, Trần Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Danh V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày 21-3-2018.

Giao Danh V cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày 21-3-2018.

Giao Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc: Danh V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Trần Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An